

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 12/2024/DS-PT
Ngày 04 – 01– 2024
V/v tranh chấp thừa kế
quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Hùng Quang.
Các Thẩm phán: Ông Đặng Minh Trung.

Bà Châu Minh Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Bằng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Từ Thanh Thùy– Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 449/2023/TLPT-DS ngày 08 tháng 11 năm 2023 về việc yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 247/2023/DS-ST ngày 26 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân Trần Văn Thời bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 232/2023/QĐ-PT ngày 01 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Thái Bích H (Thái Tuyết C), sinh năm 1969.

Địa chỉ: Khóm A, phường A, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Tô Hồng P, sinh năm 1984 (văn bản ủy quyền ngày 15/4/2021, có mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã H, thành phố C.

- Bị đơn: Ông Thái Minh Ú (Út L), sinh năm 1958 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Ông B, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Vương Tài H1, sinh năm 1958 (văn bản ủy quyền ngày 07/5/2021, có mặt).

Địa chỉ: Số A, Nguyễn Văn T, khóm D, phường E, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Thái Thị Đ, sinh năm 1969 (vắng mặt).

Địa chỉ: Khóm D, thị trấn C, huyện P, tỉnh Cà Mau.

2. Bà Thái Thị B1, sinh năm 1951 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp P, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

3. Bà Thái Thị T1 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Ông B, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

4. Ông Thái Văn C, sinh năm 1952 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã K, huyện U, tỉnh Cà Mau.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông Thái Văn C: Ông Kim Chan Đa R – Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh C (có mặt).

5. Ông Thái Minh Ú (Út L1), sinh năm 1965 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Ông B, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

6. Bà Thái Thị V, sinh năm 1969 (có mặt).

Địa chỉ: Số A, khóm C, phường T, thành phố C.

7. Ông Thái Văn L2 (chết).

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Thái Văn L2:

8. Bà Lê Thị H2, sinh năm 1962 (vắng mặt).

9. Chị Thái Thị Ngọc M (vắng mặt).

10. Chị Thái Thị Ngọc L3, sinh năm 1993 (vắng mặt).

11. Anh Thái Trọng N, sinh năm 1996 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp Ông B, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

12. Chị Thái Bé N1, sinh năm 1995 (xin vắng mặt).

13. Anh Thái Chí N2, sinh năm 2000 (xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp Ông B, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau.

- *Người kháng cáo:* Ông Thái Minh Ú (Ú) là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Tô Hồng P trình bày: Ông Thái Minh Q (mất năm 2020), bà Lê Mỹ D (mất năm 2017), Ông Q và bà D có tất cả 09 người con gồm: Thái Bích H, Thái Thị V, Thái Minh Ú (Ú), sinh năm 1962, Thái Thị Đ, Thái Thị T1, Thái Văn C, Thái Minh Ú, sinh năm 1965, Thái Thị V và Thái Văn L2. Ông Thái Văn L2 mất năm 2019, ông L2 có vợ là Lê Thị H2, có 03 người con là Thái Thị Ngọc M, Thái Thị Ngọc L3, Thái Trọng N. Ông Thái Minh Q và bà Lê Mỹ D chết có để lại “Tờ Di Chúc” được lập ngày 25/3/2006. Di chúc có nội dung phân chia nhà và đất của ông Q, bà D cho

các con, tổng cộng diện tích đất khoảng 55.000m² đất tại ấp Ô, xã K, huyện T. Việc phân chia đất theo di chúc đã được phân chia cho Thái Thị B1, Thái Văn C, Thái Văn L2, Thái Minh Ú và được tách quyền sử dụng quản lý riêng, khi ông Q và bà D còn sống. Phần còn lại của ông Thái Minh Q, bà Lê Mỹ D và ông Thái Minh Ú (Út L) còn chung Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích được cấp là 22.879m². Trong diện tích 22.879m² theo di chúc thể hiện chia cho ông Thái Minh Ú (Út Liên) diện tích 20.084m², phần còn lại 300m² đất thổ cư, 3.480m² đất vườn dùng vào việc chôn cất và làm nhà thờ cúng. Sau khi ông Q, bà D mất được chôn cất trên phần đất còn lại, hiện tại chưa có người thờ cúng, việc thờ cúng được con cháu thực hiện tại khu mồ mã của ông Q, bà D. Theo nguyện vọng của ông Q trong di chúc là giao bà H thờ cúng nên bà H yêu cầu ông Thái Minh Ú (Ú) giao lại phần đất 300m² đất thổ cư, 3.480m² đất vườn dùng vào việc thờ cúng để bà H quản lý. Nay nguyên đơn yêu cầu ông Thái Minh Ú (Ú) di dời nhà và giao lại phần đất có diện tích 3.780m² cho nguyên đơn quản lý.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Thái Minh Ú (Út L) trình bày: Về mối quan hệ huyết thống như phía nguyên đơn trình bày là đúng. Ông Q và bà D mất có để lại di chúc, bản chính di chúc hiện tại do ông Thái Minh Ú (Út L1), sinh năm 1965 quản lý. Ông thống nhất nội dung di chúc thể hiện ý chí của ông Q và bà D là còn lại 300m² đất thổ cư, 3.480m² đất vườn dùng vào việc chôn cất và làm nhà thờ cúng để bà H quản lý, nhưng hiện tại phần đất thực tế không còn vì do việc thực hiện theo di chúc của các anh chị em khác không đúng, sử dụng phần đất nhiều hơn so với được cho, trong di chúc nên hiện nay phần còn lại của ông Q và bà D không còn. Riêng đối với phần đất ông được cho theo di chúc ông có nhận và quản lý đúng diện tích. Ông chỉ sử dụng đúng phần đất ông được tặng cho theo di chúc, phần đất ông Q, bà D không còn, ông không có lần chiếm hay sử dụng phần đất thờ cúng nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà H.

Bà Thái Thị Đ, bà Thái Thị B1, ông Thái Văn C, bà Thái Thị V trình bày: Về mối quan hệ huyết thống như phía bà H và ông Ú (Út Liên) trình bày là đúng. các ông bà không có yêu cầu gì đến di sản của ông Q, bà D. Yêu cầu thực hiện đúng di chúc yêu cầu ông Thái Minh Ú giao lại phần đất 300m² đất thổ cư, 3.480m² theo đo đạc thực tế phần đất dùng vào việc thờ cúng cho bà H quản lý.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 247/2023/DS-ST ngày 26/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thái Bích H (Thái Tuyết C)

Buộc ông Thái Minh Ú (Út Liên), chị Thái Bé N1, anh Thái Chí N2 di dời nhà và cây trồng trên đất, giao trả lại phần đất là di sản thừa kế của ông Thái Minh Q và bà Lê Mỹ D cho bà Thái Bích H đối với phần đất có diện tích 3.981,1m² theo Bản vẽ hiện trạng của Chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất huyện T ngày 12/5/2020 tại các thửa số 2, 4 phần đất tọa lạc tại ấp Ông B, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau (kèm theo bản vẽ).

Bà Thái Bích H (Thái Tuyết C) có quyền kê khai đăng ký để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai. Cơ quan

chuyên môn có nghĩa vụ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Bản án, Quyết định của Tòa án.

Buộc bà Thái Bích H (Thái Tuyết C) có nghĩa vụ trả cho ông Thái Minh Ú (Út Liên) số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Thái Minh Ú (Ú) phải chịu 300.000 đồng (chưa nộp). Bà Thái Bích H phải chịu 1.000.000 đồng, ngày 15/3/2021 bà H (do bà V nộp thay) đã dự nộp số tiền 2.986.000 đồng theo biên lai thu số 0004736 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời đối trừ bà H được nhận lại số tiền 1.986.000 đồng khi bản án có hiệu lực.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm thi hành và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 09/8/2023, ông Thái Minh Ú (Ú) kháng cáo quá hạn, yêu cầu hủy bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tại Quyết định số 234/2023 ngày 24/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau chấp nhận kháng cáo trong hạn của ông Thái Minh Ú.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bà P thống nhất theo di chúc ngày 25/3/2006 của ông Thái Minh Q và bà Lê Mỹ D, yêu cầu ông Thái Minh Ú (Út Liên) di dời căn nhà tạm, giao trả lại phần đất theo đo đạc thực tế có diện tích 3.981,1m², nguyên đơn tự nguyện hỗ trợ cho bị đơn số tiền 20.000.000 đồng và tự nguyện chịu chi phí tố tụng.

- Bị đơn ông Thái Minh Ú (Út Liên) thống nhất theo di chúc ngày 25/3/2006, đồng ý giao lại cho bà H phần đất diện tích 3.780m², không đồng ý giao diện tích đất theo đo đạc thực tế. Nếu chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông yêu cầu trả cho ông số tiền 300.000.000 đồng tiền thành quả lao động và cây trồng trên đất. Vì ông cho rằng khi anh em nhận đất theo di chúc thì nhận nhiều hơn diện tích được chia, không đồng ý theo bản vẽ ngày 12/5/2020, ông cho là có ký tên vào bản mô tả cũng như biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 28/02/2020 là do ký cho ông Q vui vì khi đó ông Q đã già yếu.

- Ý kiến của người bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho ông C là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vụ án. Thống nhất với bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời đề nghị giữ nguyên bản án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án; của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Thái Minh Ú. Sửa phần án phí vì ông Ú thuộc trường hợp được miễn nộp án phí và có đơn xin miễn. Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng Dân sự, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 247/2023/DS-ST ngày 26 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân Trần Văn Thời.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của ông Thái Minh Ú còn trong thời hạn luật định.

Phần đất tranh chấp thừa kế tài sản là quyền sử dụng đất có diện tích theo đo đạc thực tế là 3.981,1m², tại ấp Ô, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau (Theo bản vẽ hiện trạng của Chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất huyện T ngày 12/5/2020). Hiện phần đất này ông Ú đang quản lý, ông Ú cho là không còn là không có cơ sở.

[2] Xét về nguồn gốc đất do ông Thái Minh Q và bà Lê Mỹ D tạo lập. Ngày 25/3/2006 sau khi lập di chúc phân chia đất cho các con thì phần đất còn lại năm 2006 ông Q, bà D được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gồm các thửa 261, 262, tờ bản đồ 04 với tổng diện tích 22.879m². Tổng diện tích theo đo đạc thực tế là 22.510,8m². Phần đất này bao gồm phần đất chia cho ông Thái Minh Ú (Út Liên), diện tích 20.084m² và phần đất còn lại giao cho bà H quản lý làm mồ mã diện tích 3.780m² khi còn sống ông Thái Minh Q vẫn sinh sống tại phần đất giao cho bà H quản lý và giáp với phần đất ông Thái Minh Ú được chia theo di chúc. Xét tờ di chúc lập ngày 25/3/2006 được nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều thừa nhận và thống nhất.

[3] Nguyên đơn yêu cầu bị đơn giao trả phần đất đã được chia trong tờ di chúc để làm nơi chôn cất, thờ cúng thân tộc với diện tích theo đo đạc thực tế là 3.981,1m² (có chênh lệch so với di chúc 201,1m²), bị đơn đồng ý giao đất theo di chúc diện tích 3.780m², không đồng ý giao diện tích theo đo đạc thực tế với lý do là đất bị đơn được cho và đã quản lý sử dụng đúng vị trí, đúng diện tích được chia và những anh, em nhận đất theo di chúc đã đăng ký thừa theo di chúc ông có yêu cầu chia theo di chúc. Hội đồng xét xử thấy rằng: Vị trí, diện tích phần đất tranh chấp cũng như phần đất ông Thái Minh Ú (Ú) quản lý được thể hiện tại bản vẽ ngày 12/5/2020 là do khi ông Q (lúc còn sống) và ông Út L tự xác định và ký xác nhận có sự chứng kiến của cơ quan chuyên môn, đại diện ban nhân dân ấp Ông B và sự chứng kiến của các đương sự, vì thời điểm này ông Q đã khởi kiện ông Thái Minh Ú (Út liên) để đòi phần đất này.

[4] Ông Ú (Út Liên) không đồng ý bản vẽ ngày 12/5/2020 và yêu cầu đo đạc lại nhưng tại biên bản về việc không tiến hành được việc xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 21/01/2022 có nội dung ông Thái Minh Ú (Ú) và ông Thái Minh Ú (Út Lớn) không đồng ý tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ. Ông Út L cho rằng ông ký tên để ông Q vui vì ông Q đã già yếu và không đồng ý theo bản vẽ là không có cơ sở chấp nhận, nên việc sử dụng bản vẽ hiện trạng ngày 12/5/2020 của Chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Trần Văn T2 để làm cơ sở giải quyết vụ án là hoàn toàn phù hợp.

Hơn nữa ông Út L cho rằng có việc anh em ông khi nhận đất thì nhận nhiều hơn diện tích đất được chia. Thấy rằng: Ranh đất giữa phần đất của ông Út Liên tiếp giáp với phần đất giao cho bà H quản lý (được ông Út L, ông Q xác định) tại các điểm M8, M9, M11, M12, M13 là ranh thẳng, vị trí phần đất tranh chấp đã ổn định (giao cho bà H quản lý) theo các đương sự xác định là phù hợp.

[5] Phần đất tranh chấp theo tờ di chúc diện tích 3.780m² khi lập di chúc cũng không có đo đạc thực tế, theo đo đạc thực tế diện tích là 3.981,1m², chênh

lệch dư 201,1m². Thấy rằng: Ông Thái Minh Ú (Ú) đã được chia phần đất có diện tích lớn, ông Út L đã quản lý, sử dụng ổn định, so với các anh chị em trong gia đình thì diện tích đất của ông Út L được chia là nhiều hơn. Phần đất của ông Q giao cho bà H quản lý, theo ý chí của ông Q là dùng vào việc thờ cúng, không được sang bán để dùng vào việc xây mồ mã, nơi thờ cúng thân tộc thì việc có chênh lệch 201,1m² cũng là ý chí nguyện vọng của ông Q, không ảnh hưởng đến việc quản lý sử dụng đất cũng như phù hợp với thuần phong mỹ tục, đạo đức xã hội, ý chí của người đã chết. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn giao trả phần đất tranh chấp là di sản dùng vào việc thờ cúng có diện tích 3.981,1m² là có cơ sở nên được chấp nhận.

[6] Đối với bị đơn xác định trên đất có căn nhà của bị đơn và một số cây do bị đơn trồng như dừa xoài, bưởi, ổi, chuối, nếu chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông yêu cầu trả cho ông số tiền 300.000.000 đồng. Bà P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà V xác định. Ông Út L có căn nhà che tạm phía sau nhà của ông Q trước đây, ông Út L chỉ trồng một số cây giá trị không lớn như bưởi, mận, cóc, tất cả các cây trồng còn lại do ông Q và bà V trồng. Quá trình xem xét thẩm định không thể hiện, hiện trạng đối với căn nhà của ông Út L cất trên đất tranh chấp. Cấp sơ thẩm đã tiến hành thẩm định bổ sung, nhưng không thực hiện được do đương sự không hợp tác, các đương sự tranh chấp với nhau gay gắt, ảnh hưởng đến tình hình an ninh, trật tự ở địa phương nên việc xem xét, thẩm định bổ sung là không cần thiết, kéo dài thêm vụ án. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Thái Minh Ú (Ú) không có yêu cầu phản tố, không yêu cầu gì liên quan đến tài sản trên đất do đó yêu cầu của bị đơn đối với số tiền 300.000.000 đồng là không phù hợp nên không được chấp nhận. Nguyên đơn tự nguyện hỗ trợ cho bị đơn phần diện tích đất chênh lệch, chi phí di dời nhà và một số cây trồng trên đất với số tiền 20.000.000 đồng, xét đây là sự tự nguyện hỗ trợ của nguyên đơn nên chấp nhận.

Đối với chi phí tố tụng (bao gồm chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền 400.000 đồng; chi phí trích lục hồ sơ 150.000 đồng) nguyên đơn tự nguyện chịu chi phí này đã thanh toán xong nên không đặt ra xem xét.

Tại phiên tòa người kháng cáo không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ mới nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo. Đối với ông Thái Minh Ú (Ú) sau khi xét xử sơ thẩm có bổ sung đơn xin miễn án phí sơ thẩm và án phí phúc thẩm, do ông là người cao tuổi nên được chấp nhận, sửa phần án phí của bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 điều 308 BLTTDS. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa án sơ thẩm về phần án phí là phù hợp nên được chấp nhận.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Thái Bích H phải chịu 1.000.000 đồng. Ông Thái Minh Ú (Ú) thuộc trường hợp được miễn.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Thái Minh Ú không phải nộp, được miễn.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308, của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Thái Minh Ú (Ú).

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 247/2023/DS-ST ngày 26 tháng 7 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời. Tuyên Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thái Bích H (Thái Tuyết C) – Buộc ông Thái Minh Ú (Ú), chị Thái Bé N1, anh Thái Chí N2 di dời nhà và cây trồng trên đất, giao trả lại phần đất là di sản thừa kế của ông Thái Minh Q và bà Lê Mỹ D cho bà Thái Bích H đối với phần đất có diện tích 3.981,1m² theo Bản vẽ hiện trạng của Chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất huyện T ngày 12/5/2020 tại các thửa số 2, 4 phần đất tọa lạc tại ấp Ông B, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau (kèm theo bản vẽ).

Bà Thái Bích H (Thái Tuyết C) có quyền kê khai đăng ký để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai. Cơ quan chuyên môn có nghĩa vụ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo Bản án, Quyết định của Tòa án.

2. Buộc bà Thái Bích H (Thái Tuyết C) có nghĩa vụ trả cho ông Thái Minh Ú (Út Liên) số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

Kể từ ngày ông Thái Minh Ú(Út Liên) có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Thái Bích H không tự nguyện thi hành xong khoản tiền trên thì phải trả thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

Chi phí tố tụng: Bao gồm chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền 400.000 đồng; chi phí trích lục hồ sơ 150.000 đồng) nguyên đơn tự nguyện chịu chi phí này đã thanh toán xong nên không đặt ra xem xét.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Thái Minh Ú (Ú) thuộc trường hợp được miễn nộp. Bà Thái Bích H phải chịu 1.000.000 đồng, ngày 15/3/2021 bà H đã dự nộp số tiền 2.986.000 đồng theo biên lai thu số 0004736 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời đối trừ bà H được nhận lại số tiền 1.986.000 đồng khi bản án có hiệu lực.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Thái Minh Ú (Ú) không phải nộp, thuộc trường hợp được miễn nộp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời;
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Dương Hùng Quang